TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS - PT
Ngày 03 - 6 - 2021
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-DS ngày 11/3/2021 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự số 02/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐ-PT ngày 16/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thào Thị D

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Địa chỉ: Trung tâm trợ giáp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Giàng A D

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số 007, đường T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Thào Thị D.

4. Người phiên dịch: Chị Giàng Thị P - Địa chỉ: Số 007, phố T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Thào Thị D trình bày:

Gia đình chị D có 01 thửa đất do vợ chồng khai phá từ năm 2000, diện tích khoảng 1.170,41m^2 gồm đất nhà ở 118,58m^2, đất trồng cây 1.051,83m^2, tại Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vị trí đất có một phần tiếp giáp đất ông Má A L, còn lại tiếp giáp đất anh Giàng A D. Gia đình chị D sinh sống làm ăn trên diện tích đất đó liên tục, năm 2015 thì chồng chị D là anh Giàng A L chết. Sau đó, chị D và các con tiếp tục sử dụng đất anh D không có ý kiến gì và không xảy ra tranh chấp.

Tháng 9/2019 anh Giàng A D bảo thửa đất vợ chồng chị D khai phá và sử dụng là đất của anh D, không cho canh tác và đuổi mẹ con chị D đi chỗ khác sinh sống nên xảy ra tranh chấp. UBND xã M đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh D rào đường đi của gia đình chị D, chặt phá 23 cây đào to, 07 cây đào bé, 07 cây lê. Vì vậy, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận chị D là người được sử dụng hợp pháp diện tích đất 1.170.41m^2 đang tranh chấp;

- Buộc anh D phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của gia đình chị D;

- Buộc anh D phải trả lại con đường dân sinh đã có từ trước, chiều rộng 1,5m; chiều dài 70m để gia đình chị D có lối đi vào nhà.

- Buộc anh D phải bồi thường trị giá 07 cây lê, 23 cây đào, 700m^2 diện tích cây tràm theo khung giá quy định của nhà nước.

Bị đơn anh Giàng A D trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do ông, bà nội anh D khai phá và sử dụng ổn định từ lâu không có tranh chấp với ai. Sau khi ông bà nội mất để lại toàn bộ thửa đất đó cho ông Giàng A C (bác ruột của anh D) sử dụng. Một thời gian sau ông C chuyển đi Lai Châu sinh sống để lại thửa đất đó cho ông Giàng A D1 (là bố đẻ của anh D) sử dụng, năm 1999 ông Giàng A D1 chuyển đi Lai Châu sinh sống nên tặng cho anh D thửa đất để tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Năm 1999 ông Giàng A S bán nhà và đất cho người khác để chuyển đi Lai Châu sinh sống, anh L và chị D tuy ở cùng với gia đình ông Sấu nhưng không đi cư cùng ông Sấu, do không có chỗ ở nên anh L đã đến mượn một phần đất trong diện tích đất của anh D để làm nhà ở tạm, vợ chồng anh L cam kết chỉ ở vài năm khi có đất ở mới thì sẽ chuyển nhà trả lại đất. Do có tình cảm cùng dân tộc nên anh D đã cho anh L mượn một phần đất để làm nhà có diện tích khoảng 80m^2,

một phần đất để canh tác trồng rau khoảng 100m^2 và một phần đất sử dụng làm lối đi từ đường vào nhà, toàn bộ phần đất cho mượn nằm trong tổng diện tích đất của bố mẹ để lại cho anh D. Khi cho mượn đất anh D và anh L không lập giấy tờ gì nhưng thỏa thuận với nhau là cho mượn đất để cho gia đình anh L ở khi nào có đất mới thì phải dỡ nhà và phải di chuyển nhà đến nơi ở mới, diện tích đất anh D cho mượn để trồng rau thì không được trồng cây gỗ, cây ăn quả lâu năm. Việc cho mượn đất có nhiều người ở trong thôn biết, anh L và chị D đã làm nhà ở từ khi mượn đất và sinh sống ở đó.

Năm 2009 gia đình anh L và chị D đã trồng một số gốc tre măng, cây đào, lê là cây ăn quả lâu năm vào phần diện tích đất trồng rau mà anh D cho mượn nên đã có sự tranh chấp, anh D đã ngăn cản không cho trồng. Ngày 09/12/2009 tổ hòa giải của thôn gồm ông Lý A S, ông Giàng A C, ông Lý A P, ông Giàng A C đã tiến hành giải quyết, anh L đã nhận việc mượn đất của gia đình anh D để làm nhà và cam kết khi nào anh D lấy đất thì anh L phải thu dọn lại số gỗ và cả tre cùng như cây đào trong vòng 2 năm để trả lại đất và cả hai bên đồng ý.

Năm 2015 thì anh L chết, chị D và con vẫn ở tại ngôi nhà và sử dụng diện tích cho mượn. Đến năm 2019 các con của anh L đã lớn, chị D có ý định bán đất, bán nhà, khi anh D biết việc đó đã nói với chị D là nếu chị D không ở thì dỡ nhà đi nơi khác trả lại đất cho anh D nhưng chị D không trả nên dẫn đến tranh chấp.

Đến nay anh D xác định vợ chồng anh L, chị D không hề có đất tự khai phá. Toàn bộ diện tích đất chị D đang làm nhà để ở và diện tích đất vườn là đất của anh D cho mượn, lối đi vào nhà chị D trước đây là lối đi vào nhà cũ của anh D, sau khi anh chuyển nhà không sử dụng nên cho chị D đi nhờ, khi xảy ra tranh chấp anh D đã rào lại. Cây cối do chị D không chịu di chuyển nên anh D mới chặt. Do đó anh D không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164, 169, 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thào Thị D đề nghị Tòa án công nhận chị Thào Thị D là người sử dụng đất hợp pháp diện tích đất 870 m^2 tại Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai và buộc anh Giàng A D phải trả lại con đường dân sinh đã có từ trước, chiều rộng 1,5m, chiều dài 70m.

- Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn Thào Thị D. Buộc anh Giàng A D phải bồi thường cho chị Thào Thị D 16.233.000 đồng (Trị giá: 9 cây lê; 22 cây đào và 2 cây cọ).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/02/2021, nguyên đơn chị Thào Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận cho chị Thào Thị D là người sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 870m^2 tại Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai và buộc anh Giàng A D phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất đối với gia đình chị Thào Thị D.

- Buộc anh Giàng A D phải trả lại con đường dân sinh có chiều dài từ nhà chị D đến đường cái to khoảng 70m và chiều rộng đường khoảng 1,5m.

- Buộc anh Giàng A D phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị D trị giá 23 cây đào, 07 cây lê và 700m^2 cây Chàm theo khung giá nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn nội dung khởi kiện và thay đổi kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Thào Thị D có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Thào Thị D cho rằng diện tích đất tranh chấp là do vợ chồng chị khai phá từ năm 2000 và có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp với anh Giàng A D.

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Anh Giàng A D cho rằng do vợ chồng chị D không có đất để làm nhà ở nên anh đã cho vợ chồng chị Thào Thị D, anh Giàng A L mượn đất, anh D cho rằng quá trình sử dụng do vợ chồng anh L chị D trồng cây lâu năm trên đất nên đã xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết theo Biên bản ngày 09/12/2009. Tại Biên bản giải quyết ngày 09/12/2009 về tranh chấp đất giữa anh Giàng A L

(chồng chị Thào Thị D) với anh Giàng A D có nội dung về việc: *"Từ nay về sau ông L không được trồng thêm vào đất của ông D, còn lại một số gỗ và tre thì phải dần dần phá để ông D có đất làm ăn, nếu sau này ông D cần thiết lấy đất thì ông L phải thu dọn lại số gỗ và tre, đào trong vòng 2 năm cho đến khi nào ông L đã thu dọn lại thì phải trả lại đất cho ông D sử dụng."*

Xét thấy, trong Biên bản giải quyết tranh chấp đất ngày 09/12/2009 có mặt ông Lý A X - Trưởng thôn, ông Giàng A C - Bí thư chi bộ, ông Lý A P - Công an viên, ông Giàng A C - Phó Chủ tịch Hội nông dân, người ghi biên bản ông Lý A D. Tòa án sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của những người trực tiếp giải quyết tranh chấp đất theo Biên bản ngày 09/12/2009. Theo lời khai của ông Lý A X, ông Giàng A C, ông Lý A D đều xác nhận diện tích đất tranh chấp là đất do ông bà của anh D khai phá, sau đó để lại cho các con sử dụng, khi bố đẻ anh D chuyển đi nơi khác sinh sống đã tặng cho anh D thửa đất để sử dụng và diện tích đất tranh chấp mà chị D và các con đang ở là phần đất của anh D cho mượn, những người trực tiếp giải quyết tranh chấp đất ngày 09/12/2009 đều có lời khai thống nhất xác nhận đất tranh chấp hiện nay là diện tích đất của anh D cho anh L mượn. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm lấy lời khai của một số người làm chứng là người sinh sống lâu năm tại khu vực đất tranh chấp để xác minh về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp. Người làm chứng ông Giàng A S, ông Lý A T đều có lời khai thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp là do gia đình ông bà của anh D khai phá, sau đó tặng cho anh D sử dụng và anh D đã cho vợ chồng chị D mượn để sử dụng, ông Má A L khẳng định đất của ông tiếp giáp với đất của ông D, nhà chị D dựng trên đất của anh D giáp với phần đất của gia đình ông. Theo Biên bản xác minh ngày 11/12/2020 của TAND thị xã S tại UBND xã M thì ông Giàng A C - Phó Chủ tịch UBND xã cho biết phần đất đang tranh chấp giữa chị Thào Thị D với anh Giàng A D là đất trồng cây lâu năm có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 570488, số vào sổ 00216 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 21/12/1998 cho hộ ông Giàng A D1, bà Lý Thị L (là bố mẹ đẻ của anh Giàng A D). Tại Biên bản làm việc hòa giải tranh chấp đất đai ngày ngày 11/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, chi Thào Thị D cũng nhất trí trả lại đất vườn cho anh D.

Như vậy, đã có đủ chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là do ông bà của anh Giàng A D khai hoang, sau đó cho ông Giàng A D1 (bố đẻ của anh Giàng A D) sử dụng và vợ chồng ông D1 đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998, ông D1 tặng cho anh Giàng A D để sử dụng và anh D đã cho vợ chồng chị Thào Thị D mượn. Do đó, gia đình chị Thào Thị D dựng nhà và trồng hoa màu trên đất từ năm 2000 đến nay là hợp lý. Tuy nhiên, việc sử dụng đất của gia đình chị Thào Thị D không làm phát sinh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mượn của anh D. Đối với đường đi vào nhà chị D hiện tại chị D cũng thừa nhận là đường đi mà trước đấy anh D tự mở qua đất của anh D để vào nhà anh D không phải là đường liên thôn.

[2.2] Phía nguyên đơn cho rằng diện tích đất mà anh Giàng A L xác nhận là đất của anh Giàng A D và thỏa thuận sẽ thu dọn cây trên đất khi anh D cần lấy

lại đất là nằm ở chỗ khác, không phải vị trí đất đang tranh chấp hiện nay. Nguyên đơn có cung cấp các Biên bản làm việc với anh Giàng A S - Sinh năm 1971, ông Giàng A S1 - 57 tuổi, anh Giàng A C - Sinh năm 1988, anh Giàng A Páo cùng trú tại: Thôn H, xã M, thị xã S đều xác định diện tích đất tranh chấp giữa anh Giàng A L (chồng chị Thào Thị D) với anh Giàng A D đã được Thôn giải quyết năm 2009 nằm ở phía trên diện tích đang tranh chấp hiện nay nhưng không xác định được vị trí cụ thể. Xét thấy, những người làm chứng này không trực tiếp có mặt giải quyết tranh chấp ngày 09/12/2009 mà chỉ là sinh sống gần khu vực đất tranh chấp và năm 2009 anh S, anh S1 cũng đã trồng cây vào đất của anh D nên đã xảy ra tranh chấp phải trả lại đất cho anh D nên lời khai của họ không khách quan.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn chị Thào Thị D cho rằng diện tích đất tranh chấp là do vợ chồng chị khai phá, sử dụng từ năm 2000 nên chị có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp với anh Giàng A D và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cũng như buộc anh D phải trả lại đường đi vào nhà chị D là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, chị D vẫn tiếp tục được sử dụng đường đi này trong thời gian anh D chưa yêu cầu chị D trả lại đất.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Thào Thị D về yêu cầu anh D phải bồi thường thiệt hại tài sản là các cây cối, hoa màu do gia đình chị trồng đã bị anh Giàng A D chặt phá theo giá cả do nhà nước quy định:

Xét thấy, tại Biên bản thẩm định ngày 15/7/2020 xác định cây cối do chị Thào Thị D trồng trên đất đã bị anh Giàng A D chặt phá gồm có 09 cây lê; 22 cây đào và 2 cây cọ và một số cây chàm nhỏ, anh D cũng thừa nhận. Bản sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của chị D về việc buộc anh D bồi thường thiệt hại 09 cây lê; 22 cây đào và 2 cây cọ là phù hợp, anh D không kháng cáo về nội dung này. Đối với yêu cầu bồi thường 700m^2 cây chàm chị D đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh D chặt phá 700m^2 cây chàm và anh D cũng không thừa nhận chặt phá toàn bộ 700m^2 cây chàm của chị D nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn chị Thào Thị D không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật vì vậy, kháng cáo của chị Thào Thị D không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Thào Thị D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Thào Thị D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 02/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Thào Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0001000 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TX Sa Pa;
- Chi cục THADS TX Sa Pa;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa